TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BĐ, TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **112**/2023/DS-ST
Ngày: 28-9-2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BĐ, TỈNH BẾN TRE

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Phi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hiếu.

2. Ông Huỳnh T Phát.

- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Thảo Nguyên - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BĐ, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa*:** Ông Phan Hoàng Quí - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2023, tại Hội trường xét xử của Tòa án nhân dân huyện BĐ, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số: 86/2023/TLST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 142/2023/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 105/2023/QĐST-DS ngày 08 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Đại lý thức ăn Kiều L.**

Địa chỉ: Tổ 02, ấp 4 Cây Trôm, xã BT, huyện BĐ, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê D, sinh năm 1954, địa chỉ: Ấp BT 3, xã BT, huyện BĐ, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Chí T, sinh năm 1981, địa chỉ: Ấp Phước Thạnh, xã Thạnh Phước, huyện BĐ, tỉnh Bến Tre (Ông T có mặt).

* Bị đơn: **Trần Văn T,** sinh năm 1942 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Cả Nhỏ, xã ĐT, huyện BĐ, tỉnh Bến Tre.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Lê Thị T1, sinh năm 1945 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp Cả Nhỏ, xã ĐT, huyện BĐ, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 06/10/2022, đơn khởi kiện bổ sung ngày 08/5/2023, những lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của Đại lý thức ăn Kiều L, ông Trần Chí T trình bày:

Nguyên từ năm 2016 đến tháng 6/2018, ông Trần Văn T có mua thức ăn, thuốc, hóa chất của nguyên đơn để phục vụ nuôi tôm, với tổng số tiền còn nợ Đại lý thức ăn Kiều L là: 114.567.500 đồng (Một trăm mười bốn triệu năm trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm đồng) và có cam kết khi nào nuôi xong từng vụ tôm sẽ thanh toán dứt điểm tiền nợ. Tuy nhiên, từ đầu tháng 7 năm 2018 cho đến nay, Đại lý thức ăn Kiều L đã nhiều lần liên hệ ông T để yêu cầu trả số tiền nợ nêu trên nhưng ông T không thực hiện việc trả nợ mà hứa hẹn nhiều lần không trả. Hành vi của ông T đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Đại lý thức ăn Kiều L.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Đại lý thức ăn Kiều L vẫn giữ nguyên quan điểm tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 08/5/2023, cụ thể: Bên nguyên đơn Đại lý thức ăn Kiều L yêu cầu Tòa án nhân dân huyện BĐ, tỉnh Bến Tre xét xử buộc ông Trần Văn T và bà Lê Thị T1 có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho Đại lý thức ăn Kiều L số tiền vốn gốc mua thức ăn, thuốc, hóa chất còn thiếu, đồng thời yêu cầu tính tiền lãi chậm trả với số tiền là 33 tháng (từ ngày 28/12/2020 đến ngày 28/9/2023). Số tiền lãi được tính như sau:

114.567.500 đồng x 0,83% x 33 tháng = 31.380.000 đồng.

Tổng cộng tiền vốn gốc mua thức ăn, thuốc, hóa chất và tiền lãi phát sinh là: 145.947.500 đồng (Một trăm bốn mươi lăm triệu chín trăm bốn mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

(Tài liệu, chứng cứ bên nguyên đơn cung cấp là giấy nợ bút lục số 07, 08)

*Trong suốt quá trình tố tụng, Tòa án nhân dân huyện BĐ đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng bị đơn Trần Văn T từ chối tham gia tố tụng, bất hợp tác với Tòa án, đồng thời cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ và ý kiến, lời khai gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đại lý thức ăn Kiều L.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/5/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị T1 trình bày:

Trước đây, bà T1 và ông T có mua thuốc, thức ăn của Đại lý thức ăn Kiều L. Tổng số tiền bà và ông T còn nợ bên nguyên đơn là 114.567.500 đồng (Một trăm mười bốn triệu năm trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm đồng), đồng thời các giấy nợ do nguyên đơn cung cấp là do bà T1 ký, bà chốt nợ với bên nguyên đơn thay cho ông T. Tuy nhiên, bên Đại lý thức ăn Kiều L đang bán thức ăn, thuốc, hóa chất cho bên bà T1 thì dừng lại không bán nữa, điều đó ảnh hưởng đến việc nuôi tôm của bên bà T1, ông T. Ngoài ra, ông Lê D có nói với bà T1 "Tôi bỏ luôn, bỏ trước thì mất ít", do đó đến nay bên bà T1 và ông T cũng không hoàn trả cho bên nguyên đơn số tiền 114.567.500 đồng. Hiện tại, vợ chồng bà T1, ông T lớn tuổi, không làm gì có tiền, hoàn cảnh kinh tế đang gặp khó khăn, không có khả năng trả nợ cho nguyên đơn Đại lý thức ăn Kiều L.

* Ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự:

Thẩm phán thực hiện đúng theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ tranh chấp và thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng.

Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự trong quá trình xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn Đại lý thức ăn Kiều L đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị T1 đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo Điều 70, 73 Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn Trần Văn T không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, vắng mặt tại phiên tòa là vi phạm Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35, 39, 92, 430, 440, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đại lý thức ăn Kiều L về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" đối với ông Trần Văn T, bà Lê Thị T1.

Buộc ông Trần Văn T và bà Lê Thị T1 phải có nghĩa vụ hoàn trả cho Đại lý thức ăn Kiều L số tiền mua thức ăn, thuốc thủy sản và hóa chất còn thiếu là 145.947.500 đồng (Một trăm bốn mươi lăm triệu chín trăm bốn mươi bảy nghìn năm trăm đồng). Trong đó tiền vốn gốc mua thức ăn, thuốc, hóa chất là 114.567.500 đồng, tiền lãi chậm thanh toán là 31.380.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Trần Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, do đó xét xử vắng mặt ông T là phù hợp với Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Vào năm 2016 đến tháng 6/2018, Đại lý thức ăn Kiều L có bán thức ăn, thuốc thủy sản và hóa chất cho ông Trần Văn T, bà Lê Thị T1, đồng thời ông T, bà T1 còn thiếu bên nguyên đơn số tiền là 114.567.500 đồng (Một trăm mười bốn triệu năm trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm đồng), hai bên cam kết khi nào nuôi xong từng vụ tôm sẽ thanh toán dứt điểm số tiền nợ còn thiếu. Trong quá trình tố tụng, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bà Lê Thị T1 thừa nhận các chữ ký trong giấy nhận nợ là do bà ký ra, đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với ông Trần Văn T, Tòa án triệu tập nhiều lần để lấy lời khai, công khai chứng cứ, hòa giải xét xử, tuy nhiên, ông T từ chối tham gia tố tụng, đồng thời cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ thể hiện đã thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn.

Hội đồng xét xử xét thấy: Bị đơn Trần Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị T1 đã thực hiện xong quyền nhận thức ăn thuốc thủy sản và hóa chất, tuy nhiên đến thời hạn kết thúc vụ tôm không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho nguyên đơn là vi phạm Điều 430, 440 Bộ luật Dân sự năm 2015. Bà T1 cho rằng ông Lê D đã từ bỏ, miễn nghĩa vụ trả nợ cho bà T1, tuy nhiên tại Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ số 116/2023/QĐGNTLCC ngày 17/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện BĐ, tỉnh Bến Tre, bà T1, ông T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ cho Tòa án. Điều đó chứng tỏ nguyên đơn không từ bỏ, miễn nghĩa vụ trả nợ cho bà T1, ông T. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đại lý thức ăn Kiều L là có cơ sở và phù hợp với quy định tại Điều 280, 430, 440 Bộ luật Dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn.

Do đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ trả nợ, bên bị đơn Trần Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị T1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, do đó bên nguyên đơn Đại lý thức ăn Kiều L yêu cầu tính tiền lãi theo mức lãi suất là 0,83%/tháng của số tiền thức ăn, hóa chất và thuốc thủy sản còn thiếu là 114.567.500 đồng (Một trăm mười bốn triệu năm trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm đồng) từ ngày 28/12/2020 đến ngày 28/9/2023 là 33 tháng với số tiền 31.380.000 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự

năm 2015 nên được chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu ông Trần Văn T và bà Lê Thị T1 liên đới trả nợ của nguyên đơn.

Việc ông Trần Văn T và bà Lê Thị T1 mua thức ăn, thuốc thủy sản và hóa chất của nguyên đơn Đại lý thức ăn Kiều L phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, mục đích ông T và bà T1 nuôi tôm nhằm phát triển kinh tế gia đình, do đó ông Trần Văn T và bà Lê Thị T1 phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho nguyên đơn Đại lý thức ăn Kiều L là phù hợp với quy định tại các điều 27, 30, khoản 2 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Đối với quan điểm phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật, cũng như nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đại lý thức ăn Kiều L được chấp nhận toàn bộ, do đó ông Trần Văn T và bà Lê Thị T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định, tuy nhiên ông T và bà T1 thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 280, 357, 430, 434, 440; Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Các Điều 92,147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Đại lý thức ăn Kiều L đối với ông Trần Văn T, bà Lê Thị T1 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản".

Buộc ông Trần Văn T và bà Lê Thị T1 phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho Đại lý thức ăn Kiều L số tiền mua thức ăn, hóa chất và thuốc thủy sản còn thiếu là 145.947.500 đồng (Một trăm bốn mươi lăm triệu chín trăm bốn mươi bảy nghìn năm trăm đồng). Trong đó tiền vốn gốc mua thức ăn, thuốc, hóa chất là 114.567.500 đồng, tiền lãi chậm thanh toán là 31.380.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất

quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Ông Trần Văn T và bà Lê Thị T1 thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí.

Hoàn trả lại cho Đại lý thức ăn Kiều L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.052.813 đồng (Bốn triệu không trăm năm mươi hai nghìn tám trăm mười ba đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002287 ngày 24 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BĐ, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7, điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn Đại lý thức ăn Kiều L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị T1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn ông Trần Văn T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (Phòng KTNV và THA);
- VKSND huyện BĐ;
- Chi cục THADS huyện BĐ;
- UBND xã ĐT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Đăng Phi